

Số: 31/2017/HSST
Ngày 26-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Pậu.

2. Bà Lò Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Ngân Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Ma Thủy C (tên gọi khác: không), sinh ngày 12/10/1982 tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký HKTT: Khu X, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: tạm trú tổ 17, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; Bị cáo con ông: Ma Đức T (đã chết), và bà: Trần Thị N, sinh năm 1947; Bị cáo có vợ là Lưu Thị T, sinh năm 1982 và 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010); Không tiền án, tiền sự; Bị cáo hiện đang chấp hành án của một vụ án khác tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên tòa.

2. Lưu Thị T (tên gọi khác: không), sinh ngày 24/01/1982 tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký HKTT: Khu X, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: tạm trú tổ 17, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; Bị cáo con ông: Lưu Chí L (N), sinh năm 1947 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Bị cáo có chồng là Ma Thủy C, sinh năm 1982 và 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010); Không tiền án, tiền

sự; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2017, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Vì Văn C, sinh năm 1986, trú tại: Bản H, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.
2. Anh Trần Đức T, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 8, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có mặt.
3. Anh Giàng A T, sinh năm 1993, trú tại: Bản H, xã T, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; có mặt.
4. Anh Cà Văn D, sinh năm 1993, trú tại: Bản P, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.
5. Anh Hà Thành N, sinh năm 1985, trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.
6. Anh Lương Văn B, sinh năm 1990, trú tại: Bản B, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.
7. Ông Trần Hữu B, sinh năm 1958, trú tại: Tổ 7, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có mặt.
8. Anh Vũ Trung K, sinh năm 1982, trú tại: Tổ 8, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.
9. Anh Cà Văn C, sinh năm 1990, trú tại: Bản M, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.
10. Anh Cà Văn D, sinh năm 1989, trú tại: Bản N, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.
11. Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 9, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có mặt.
12. Anh Ngô Xuân L, sinh năm 1977, trú tại: Tổ 12, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Ma Thủy C, Lưu Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ma Thủy C cần tiền chi tiêu cho bản thân và gia đình nên nảy sinh ý định lên thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tìm địa điểm thuê nhà làm trụ sở mở Công ty giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người đến xin việc. Ngày 22/3/2016, C một mình đi xe ô tô khách lên đến thành phố Sơn La. Cuối giờ chiều cùng ngày C đi tìm nhà để thuê, thấy ngôi nhà số 677, tổ 3, phường C, thành phố Sơn La có treo biển cho thuê nhà C đã gọi vào số điện thoại in trên biển cho thuê nhà gặp

chị Đinh Thị L, trú tại: Tổ 2, phường L, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La là chủ nhà hỏi thuê nhà làm Văn phòng Công ty, chị L đồng ý, C hẹn hôm sau sẽ đến xem nhà và làm hợp đồng. Đến sáng ngày 23/3/2016 C đến gặp chị L thỏa thuận và lập hợp đồng thuê ngôi nhà số 677, tổ 3, phường C, thành phố Sơn La của gia đình chị L với giá 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Quá trình giao dịch thuê nhà C giới thiệu và sử dụng tên giả là Nguyễn Đăng T, SĐT: 0969.719.051; HKTT: Xã H, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; số CMND: 011926590 cấp ngày 21/04/2002, tại Công an thành phố Hà Nội. Sau khi thuê được nhà C đi mua 02 bộ bàn ghế, 02 chiếc máy in và 01 chiếc máy Fax để tại ngôi nhà đã thuê nhằm tạo lòng tin với những người xin việc, tự đi đặt in các biểu mẫu, phiếu thu, con dấu sử dụng cho văn phòng công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật Tây Bắc. Đồng thời C đến Trung tâm xúc tiến việc làm tỉnh Sơn La để đăng tin tuyển người vào làm tại Văn phòng rồi đi in và dán các tờ rơi có nội dung tuyển lái xe cho Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật Tây Bắc tiêu chuẩn: Yêu cầu người lái xe phải có bằng B2 trở lên, thời gian làm việc theo giờ hành chính, mức lương khởi điểm 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Ngày 26/3/2016 C tuyển dụng chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991. HKTT: Tổ 2, phường Q, thành phố Sơn La làm việc tại Văn phòng công ty và giao cho chị T thu và kiểm tra các hồ sơ của những người đến nộp hồ sơ xin việc, khi thấy số lượng người đến nộp hồ sơ đông C đã trực tiếp liên hệ với họ để thông báo những người trúng tuyển và yêu cầu những người trúng tuyển chuẩn bị tiền đặt cọc 10.000.000đ với lý do nếu sau khi thử tay lái nếu lái tốt sẽ được trả lại tiền đặt cọc và hẹn đến công ty một lần nữa để ký kết hợp đồng lao động, đồng thời tính toán hẹn từng người với khung giờ và thời gian khác nhau. Sau đó C gọi điện thoại cho vợ là Lưu Thị T, sinh năm 1982, HKTT: Khu X, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ lên thành phố Sơn La thu tiền của những người đến xin việc. C dặn T lấy tên giả là H, nếu ai hỏi thì bảo nhà ở sau chợ Hát Lót, huyện Mai Sơn. Lưu Thị T đến làm việc tại số nhà 677, đường L, tổ 3, phường C, thành phố Sơn La từ ngày 3/4/2016 đến ngày 7/4/2016 Lưu Thị T đã thu tiền của 12 người gồm Vi Văn C, HKTT: Bản H, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Trần Đức T, HKTT: Tổ 8, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Giàng A T, HKTT: Bản H, xã T, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Cà Văn D, HKTT: Bản P, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hà Thành N, HKTT: Tiểu khu 4, thị trấn Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Lường Văn B, HKTT: Bản B, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Trần Hữu B, HKTT: Tổ 7, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Vũ Trung K, HKTT: Tổ 8, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Cà Văn C, HKTT: Bản M, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Cà Văn D, HKTT: Bản N, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Hoàng Trung T, HKTT: Tổ 9, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Ngô Xuân L, HKTT: Tổ 12, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đến nộp hồ sơ xin việc (lái xe) với tổng số tiền là: 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) trong đó 11 người mỗi người nộp 10.000.000đ và anh Hà Thành N nộp 5.000.000đ, khi thu tiền Lưu Thị T viết hóa đơn và ký tên giả là Nguyễn H. Đến ngày 8/4/2016 Ma Thủy C và Lưu Thị T bỏ trốn khỏi địa bàn thành phố Sơn La, vứt bỏ sim điện thoại, số tiền chiếm đoạt được của các bị hại Ma Thủy C và Lưu Thị T đã tiêu sài hết.

Ngày 11/4/2016 đến ngày 13/4/2016, các bị hại Vi Văn C, Trần Đức T, Giàng A T, Cà Văn D, Hà Thành N, Lường Văn B, Trần Hữu B, Vũ Trung K, Cà Văn C, Cà Văn D, Hoàng Trung T, Ngô Xuân L có đơn trình báo tại Công an thành phố Sơn La.

Ngày 21/4/2016, tại số nhà 677, tổ 3, phường C, thành phố Sơn La, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La thu giữ: 01 máy in Samsung ML-2510, màu ghi xám; 01 máy in Canon LBP-1120, màu trắng sữa; 01 máy Fax Panasonic KX-FP701; Ngày 20/12/2016, tiếp tục thu: 01 bàn hình L làm bằng gỗ ép màu nâu, KT: 1,2m x 1,4m; 01 bàn hình chữ nhật làm bằng gỗ ép màu nâu, KT: 70cm x 140cm; 01 ghế bằng khung sắt hộp bọc đệm màu đỏ.

Ngoài ra cũng bằng thủ đoạn như đã nêu trên, vào tháng 8/2016 C và Lưu Thị T lại tiếp tục về thành phố Hải Dương thực hiện hành vi lừa đảo bằng thủ đoạn tương tự như tại thành phố Sơn La chiếm đoạt tổng số tiền 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương bắt giữ, khởi tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Ma Thủy C và cho bảo lãnh đối với Lưu Thị T.

Về vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã nhận bàn giao từ Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương thu giữ, tạm giữ được: 74 (bảy mươi tư) bộ hồ sơ xin việc của các bị hại; 01 (một) quyển phiếu thu nội bộ; 01 (một) quyển sổ ghi Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật Tây Bắc, danh sách tuyển dụng; 01 (một) quyển sổ ghi danh sách hồ sơ tuyển dụng năm 2016; và tạm giữ được 01 (một) máy in nhãn hiệu Sam Sung màu ghi xám; 01 (một) máy in nhãn hiệu CANON màu trắng sữa; 01 (một) máy Fax nhãn hiệu Panasonic màu trắng sữa; 01 (một) bàn hình chữ L bằng gỗ ép màu nâu; 01 (một) bàn hình chữ nhật làm bằng gỗ ép màu nâu; 04 (bốn) chiếc ghế ngồi nhãn hiệu YIYAO thu giữ tại số nhà 677, tổ 3, phường C, thành phố Sơn La; 12 (mười hai) tờ phiếu thu do các bị hại giao nộp.

Ngày 29/12/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La ra quyết định trưng cầu giám định số 58 giám định mẫu chữ ký, chữ viết tại 12 phiếu thu; đơn vị Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật Tây Bắc, đến Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) - Công an tỉnh Sơn La.

Tại bản Kết luận giám định số 73 của phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) - Công an tỉnh Sơn La, kết luận giám định chữ ký, chữ viết tại các phiếu thu mà những người bị hại giao nộp so sánh với mẫu chữ ký, chữ viết của Lưu Thị T là cùng do một người viết và ký ra.

Do có hành vi nêu trên tại bản cáo trạng số: 76/KSĐT ngày 03/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố Ma Thủy C và Lưu Thị T về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng như xem xét

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Ma Thủy C từ 28 đến 30 tháng tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tổng hợp bản án số 77/2017/HSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Ma Thủy C 30 (ba mươi) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo Ma Thủy C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lưu Thị T từ 24 đến 28 tháng tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tổng hợp bản án số 77/2017/HSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Lưu Thị T 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo Lưu Thị T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh Cà Văn D và anh Lương Văn B mỗi người là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh Cà Văn D và anh Lương Văn B đã nhận đủ không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị hại Vì Văn C, Trần Đức T, Giàng A T, Trần Hữu B, Vũ Trung K, Cà Văn C, Cà Văn D, Hoàng Trung T, Ngô Xuân L yêu cầu các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phải bồi thường số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh Hà Thành N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Đối với 01 (một) máy in nhãn hiệu Sam Sung màu ghi xám, model: ML-2510 qua sử dụng, cũ; 01 (một) máy in nhãn hiệu CANON màu trắng sữa, model: LBP-1120 qua sử dụng, cũ; 01 (một) máy Fax nhãn hiệu Panasonic màu trắng sữa, model: KX –FP701 qua sử dụng, cũ; 01 (một) chiếc bàn hình chữ L làm bằng gỗ ép giả vân gỗ màu nâu kích

thước 1,2m x 1,4m, không có nhãn hiệu, qua sử dụng; 01 (một) chiếc bàn hình chữ nhật làm bằng gỗ ép giả vân gỗ màu nâu kích thước 70cm x 140cm, không có nhãn hiệu, qua sử dụng; 04 (bốn) chiếc ghế bằng khung sắt hộp bọc đệm màu đỏ có hoa văn kẻ chéo nhãn hiệu YIYAO qua sử dụng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị Tu nhận tội và không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử công bố ý kiến của người bị hại anh Vi Văn C, anh Trần Đức T, anh Giàng A T, ông Trần Hữu B, anh Vũ Trung K, anh Cà Văn C, anh Cà Văn D, anh Hoàng Trung T, anh Ngô Xuân L yêu cầu các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phải bồi thường số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh Hà Thành N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) mà các bị cáo đã chiếm đoạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về tố tụng: Những người bị hại anh Cà Văn D, anh Lương Văn B, anh Vi Văn C, anh Vũ Trung K, anh Cà Văn C, anh Cà Văn D, anh Hà Thành N, anh Ngô Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa (tổng đạt trực tiếp) nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung vụ án:

[1] Ma Thủy C và Lưu Thị T đều không có chức năng tuyển dụng hay được giao nhiệm vụ tuyển dụng lái xe cho cơ quan, tổ chức nào. Trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2016 đến ngày 07/4/2016, Ma Thủy C và Lưu Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối thuê trụ sở và treo biển tên Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật Tây Bắc giả tại số nhà 677, tổ 3, phường C, thành phố Sơn La rồi đăng tin tuyển nhân viên lái xe, sau đó yêu cầu người nộp hồ sơ dự tuyển nộp tiền để chiếm đoạt số tiền 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) của các bị hại Vi Văn C, Trần Đức T, Giàng A T, Cà Văn D, Hà Thành N, Lương Văn B, Trần Hữu B, Vũ Trung K, Cà Văn C, Cà Văn D, Hoàng Trung T, Ngô Xuân L.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Lời khai nhận tội của các bị cáo; Đơn trình báo, lời khai của các bị hại; Biên bản khám xét; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản xác định hiện trường; Biên bản nhận dạng; Kết luận giám định; Thông báo kết luận định giá tài sản.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận Ma Thủy C và Lưu Thị T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nhận thấy: Do nợ nần nhiều, kinh tế khó khăn lại lười lao động nên trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2016 đến ngày 07/4/2016, Ma Thủy C và Lưu Thị T đã có thủ đoạn và lời nói gian dối, qua việc thuê trụ sở và treo biển tên Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật Tây Bắc giả tại số nhà 677, tổ 3, phường C, thành phố Sơn La rồi đăng tin tuyển nhân viên lái xe, sau đó yêu cầu người nộp hồ sơ dự tuyển nộp tiền để chiếm đoạt số tiền 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) của các bị hại. Số tiền chiếm đoạt được C và T đã chi tiêu cá nhân hết. Hành vi phạm tội của các bị cáo vi phạm tình tiết định khung hình phạt tại điểm e khoản 2 điều 139 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét vai trò phạm tội của các bị cáo: các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo có quan hệ vợ chồng, bị cáo C đề xuất chủ mưu nên giữ vai trò chính, còn bị cáo T là đồng phạm tiếp nhận ý chí, giúp sức trong việc nhận tiền cùng thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của những người bị hại, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bản thân các bị cáo có đầy đủ hiểu biết, nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu tiền chi tiêu cá nhân và lười lao động, các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T đã thực hiện 12 lần hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể là dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu tìm việc làm.

Mỗi lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị thấp nhất là 5.000.000đ đến 10.000.000đ, đã có đủ các yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập theo Điều 139 Bộ luật Hình sự, do đó, cần áp dụng đối với các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g “phạm tội nhiều lần” khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo và gia đình các bị cáo đã tích cực bồi thường cho người bị hại; những người bị hại

anh Cà Văn D, anh Lường Văn B có đơn đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Lưu Thị T có bổ đề là ông Lưu Chí L (N) là thương binh được tặng Huân chương kháng chiến, huân chương chiến sĩ vẻ vang nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trong khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc áp dụng điều khoản có lợi cho người phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo đó, trường hợp bổ bị cáo Lưu Thị T là ông Lưu Chí L (N) là thương binh được tặng Huân chương kháng chiến, huân chương chiến sĩ vẻ vang, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Ngoài hình phạt chính lẽ ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung – phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 139 Bộ luật Hình sự: song xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh Cà Văn D và anh Lường Văn B mỗi người là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh Cà Văn D và anh Lường Văn B đã nhận đủ không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị hại Vi Văn C, Trần Đức T, Giàng A T, Trần Hữu B, Vũ Trung K, Cà Văn C, Cà Văn D, Hoàng Trung T, Ngô Xuân L yêu cầu các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh Hà Thành N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Xét đây là yêu cầu hợp pháp của các bị hại nên cần chấp nhận, buộc các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phải liên đới bồi thường theo phần cho những người bị hại anh Vi Văn C, anh Trần Đức T, anh Giàng A T, anh Trần Hữu B, anh Vũ Trung K, anh Cà Văn C, anh Cà Văn D, anh Hoàng Trung T, anh Ngô Xuân L mỗi người số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng); liên đới bồi thường theo phần cho người bị hại anh Hà Thành N số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng cộng số tiền các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phải bồi thường là: 95.000.000,đ (chín mươi lăm triệu đồng). Trong đó:

- Bị cáo Ma Thủy C phải bồi thường cho:
- + Anh Vi Văn C: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).

- + Anh Trần Đức T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Giàng A T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Trần Hữu B: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Vũ Trung K: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Cà Văn C: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Cà Văn D: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Hoàng Trung T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Ngô Xuân L: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Hà Thành N: 2.500.000,đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bị cáo Lưu Thị T phải bồi thường cho:
- + Anh Vi Văn C: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Trần Đức T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Giàng A T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Trần Hữu B: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Vũ Trung K: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Cà Văn C: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Cà Văn D: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Hoàng Trung T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Ngô Xuân L: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
- + Anh Hà Thành N: 2.500.000,đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[7] *Về vật chứng vụ án* (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La):

Đối với: 01 (một) máy in nhãn hiệu Sam Sung màu ghi xám, model: ML - 2510 qua sử dụng, cũ; 01 (một) máy in nhãn hiệu CANON màu trắng sữa, model: LBP -1120 qua sử dụng, cũ; 01 (một) máy Fax nhãn hiệu Panasonic màu trắng sữa, model: KX-FP701 qua sử dụng, cũ; 01 (một) chiếc bàn hình chữ L làm bằng gỗ ép giả vân gỗ màu nâu kích thước 1,2m x 1,4m, không có nhãn hiệu, qua sử dụng; 01 (một) chiếc bàn hình chữ nhật làm bằng gỗ ép giả vân gỗ màu nâu kích thước 70cm x 140cm, không có nhãn hiệu, qua sử dụng; 04 (bốn) chiếc ghế băng khu sắt hộp bọc đệm màu đỏ có hoa văn kẻ chéo nhãn hiệu YIYAO qua sử dụng. Hội đồng xét xử xác định đây là công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991, HKTT: Tổ 2, phường Q, thành phố Sơn La là người nhận hồ sơ của những người đến xin việc nộp tại văn phòng công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật Tây Bắc, chị T không biết C lập Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật Tây Bắc giả để nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền

đặt cọc của những người đến xin việc. Chị T không thu tiền của ai, cũng không được hưởng lợi gì từ số tiền mà C và T chiếm đoạt được. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La không xem xét xử lý với chị Nguyễn Thị Thu T là đúng pháp luật.

[8] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Ma Thủy C 28 (hai mươi tám) tháng tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tổng hợp bản án số 77/2017/HSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Ma Thủy C 30 (ba mươi) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo Ma Thủy C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 58 (năm mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/10/2016).

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lưu Thị T 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tổng hợp bản án số 77/2017/HSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Lưu Thị T 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo Lưu Thị T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 11/4/2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh Cà Văn D và anh Lương Văn B mỗi người là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh Cà Văn D và anh Lương Văn B đã nhận đủ không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Buộc các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phải liên đới bồi thường theo phần cho những người bị hại anh Vì Văn C, anh Trần Đức T, anh Giàng A T,

anh Trần Hữu B, anh Vũ Trung K, anh Cà Văn C, anh Cà Văn D, anh Hoàng Trung T, anh Ngô Xuân L mỗi người số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng); liên đới bồi thường theo phần cho người bị hại anh Hà Thành N số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng cộng số tiền các bị cáo Ma Thủy C và Lưu Thị T phải bồi thường là: 95.000.000,đ (chín mươi lăm triệu đồng). Trong đó:

- Bị cáo Ma Thủy Chung phải bồi thường cho:
 - + Anh Vì Văn C: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Trần Đức T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Giàng A T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Trần Hữu B: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Vũ Trung K: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Cà Văn C: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Cà Văn D: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Hoàng Trung T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Ngô Xuân L: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Hà Thành N: 2.500.000,đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bị cáo Lưu Thị Thu phải bồi thường cho:
 - + Anh Vì Văn C: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Trần Đức T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Giàng A T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Trần Hữu B: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Vũ Trung K: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Cà Văn C: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Cà Văn D: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Hoàng Trung T: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Ngô Xuân L: 5.000.000,đ (năm triệu đồng).
 - + Anh Hà Thành N: 2.500.000,đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) máy in nhãn hiệu Sam Sung màu ghi xám, model: ML-2510 qua sử dụng, cũ; 01 (một) máy in nhãn hiệu CANON màu trắng sữa, model: LBP -1120 qua sử dụng, cũ; 01 (một) máy Fax nhãn hiệu Panasonic màu trắng sữa, model: KX –FP701 qua sử dụng, cũ; 01 (một) chiếc bàn hình chữ L làm bằng gỗ ép giả vân gỗ màu nâu kích thước 1,2m x 1,4m, không có nhãn hiệu, qua sử dụng; 01 (một) chiếc bàn hình chữ nhật làm bằng gỗ ép giả vân gỗ màu nâu kích thước 70cm x 140cm, không có nhãn hiệu,

qua sử dụng; 04 (bốn) chiếc ghế bằng khung sắt hộp bọc đệm màu đỏ có hoa văn kẻ chéo nhãn hiệu YIYAO qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Ma Thủy C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.375.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Bị cáo Lưu Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.375.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/12/2017).

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- THADS thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- THAPT (2);
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Phan Thị Hoa